



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU NIÊN VÀO VIỆN THÔNG SAM CÔNG

VPGD: 95 Huỳnh Ninh Hai – Phường 14 – Q. Bình Thành – Tp. HCM

Niên thoại: 08 35513733 - 35513734

Fax: 08 35513735

Website: www.sametel.com.vn

E-mail: sametel@gmail.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2009

Tháng 03 năm 2010



TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Tâm nhìn

- Là Công ty hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực về các giải pháp Điện và Viễn thông. Thích nghi trong mọi thời đại dựa trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp bền vững, đội ngũ chuyên nghiệp và công nghệ phù hợp.

Sứ mệnh

- Phụng sự xã hội, trước hết là phụng sự khách hàng bằng các giải pháp về Điện và Viễn thông; Chúng tôi mang đến sự giàu có và niềm tin cho các Nhà đầu tư, thu nhập cao và hạnh phúc cho Người lao động.

Triết lý kinh doanh

- Khách hàng là trung tâm: Là mục tiêu chung, kết nối và hướng đích mọi giải pháp về quản trị kinh doanh.
- Con người được đề cao và tôn trọng, tinh thần phục vụ và ý thức trách nhiệm được đưa lên hàng đầu.
- Sự công bằng và tình thân ái kết nối mọi thành viên trong công ty.

Thương hiệu cốt lõi

- Nhà cung cấp các giải pháp về Viễn thông và Điện.
- Các sản phẩm được làm từ nguyên liệu composite phục vụ cho ngành viễn thông, điện và công nghiệp.

Văn hóa doanh nghiệp

- Nền tảng văn hóa Công ty: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.
- Mục tiêu văn hóa Công ty: Đoàn kết - Đổi mới - Hợp tác - Vững bền.



CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Chính sách chất lượng của Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường được xây dựng và thực hiện trên cơ sở đảm bảo lợi ích và phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng.

Thể hiện sự cam kết trước sau như một đối với khách hàng về chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình cung cấp hàng hóa đồng thời đảm bảo chính sách hậu mãi trên tinh thần phục vụ cao và có trách nhiệm.

Để đảm bảo cho chính sách chất lượng, Công ty áp dụng và thực hiện quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng là trách nhiệm của mọi thành viên trong Công ty.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đáp ứng mọi nguồn lực cần thiết để thực hiện và duy trì chính sách chất lượng.



LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2006 trên cơ sở cổ phần Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (Sacom). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000342 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện số 4123005114 ngày 12/07/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài

SAM CƯỜNG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM CORPORATION

Tên giao dịch viết tắt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SAM CƯỜNG**

Tên viết tắt: **SAMETEL**

Vốn điều lệ: **25.000.000.000 VNĐ**

Trụ sở chính: **Đường số 1 – KCN Long Thành – Tỉnh Đồng Nai**

Điện thoại: **(84 61) 3 514 277 - 3 514 279** Fax: **(84 61) 3 514 276**

Văn phòng đại diện: **95 Huỳnh Đình Hai – Phường 14 – Quận Bình Thạnh – Tp.Hồ Chí Minh**

Điện thoại: **(84 8) 35 51 37 33 - 35 51 37 31** Fax: **(84 8) 35 51 37 35**

Website: www.sametel.com.vn E-mail: sametel@gmail.com

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, dịch vụ, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, lắp ráp các thiết bị, vật liệu điện và viễn thông.
- Mua bán, xuất nhập khẩu, đại lý ký gửi: thiết bị, nguyên vật liệu điện và viễn thông, hàng kim khí điện máy.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Trang trí nội thất.



PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Quý vị

Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường được thành lập trên cơ sở cổ phần Xi nghiệp Vật liệu Viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (Sacom) từ tháng 11/2006.

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ của Quý khách hàng, Quý cổ đông, với sự định hướng sát sao của HĐQT, sự nhạy bén của Ban giám đốc và sự nỗ lực công tác của người lao động trong Công ty nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty là khả quan. Đến nay Công ty đã tiếp tục khẳng định được vị trí của mình đối với thị trường ngành điện và viễn thông; thông qua các sản phẩm đạt chất lượng nhất là các sản phẩm được sản xuất từ vật liệu composite.

Năm 2009, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng HĐQT, Ban điều hành đã bám sát kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao để đề ra các biện pháp thực hiện dựa trên điều kiện thực tiễn của Công ty. Tất cả các chỉ tiêu đều hoàn thành vượt mức kế hoạch; một số chỉ tiêu cơ bản đã thực hiện là:

Chỉ tiêu	Năm 2009			2009 so với 2008 (%)
	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH	
Doanh thu thuần [tỷ đồng]	40,00	45,54	113,85%	133,68%
Lợi nhuận trước thuế [tỷ đồng]	3,50	4,20	120,00%	170,87%
Cổ tức chi trả [%]	8	10	125,00%	166,67%

Năm 2010 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục tăng số loại sản phẩm phục vụ cho ngành điện và viễn thông. Về các sản phẩm cáp quang và phụ kiện quang, Công ty sẽ phát triển các sản phẩm đa dạng hơn để đáp ứng cơ bản nhu cầu của thị trường về quang. Ngoài ra còn tiếp tục phát triển các sản phẩm composite phục vụ cho các ngành khác ngoài ngành điện lực và viễn thông.

Tiếp tục nhiệm vụ đã đặt ra đó là: phấn đấu mức tăng trưởng hàng năm từ 10% - 15%, trước mắt năm 2010 tăng trưởng tối thiểu 20% để tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển của những năm sau.

Thay mặt Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và tín nhiệm đầu tư góp vốn vào Công ty.



Đại diện Cổ đông, các nhà đầu tư và HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể người lao động trong Công ty đã nỗ lực trong công tác và có những đóng góp to lớn vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Xin chân thành cảm ơn các cơ quan hữu quan đã tạo điều kiện để Công ty chúng tôi cũng như các doanh nghiệp khác kinh doanh thuận lợi.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HỒ THỊ THU HƯƠNG



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Hồ Thị Thu Hương	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thiện Cảnh	TV HĐQT
Ông Nguyễn Văn Kiêu	TV HĐQT
Ông Phạm Ngọc Tuấn	TV HĐQT
Ông Bùi Vũ Văn Hòa	TV HĐQT

Chủ tịch HĐQT – Bà Hồ Thị Thu Hương

Bà Hồ Thị Thu Hương sinh ngày 01/11/1956, dân tộc Kinh; Bà được bầu lại vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Hiện nay bà là Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (SACOM).

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc – Ông Nguyễn Thiện Cảnh

Ông Nguyễn Thiện Cảnh sinh ngày 25/01/1964, dân tộc Kinh; Ông được bầu lại vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Hiện nay ông là Tổng giám đốc Công ty kiêm thành viên HĐQT.

Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Văn Kiêu

Ông Nguyễn Văn Kiêu sinh ngày 10/12/1970, dân tộc Kinh; Ông được bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Hiện nay Ông là Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (SACOM).

Thành viên HĐQT – Ông Phạm Ngọc Tuấn

Ông Phạm Ngọc Tuấn sinh ngày 13/11/1952, dân tộc Kinh; Ông được bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại cuộc họp HĐQT ngày 30/07/2009.

Hiện nay Ông là Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT); Viện trưởng Viện Phát triển Quản trị và Công nghệ mới (IMT).

Thành viên HĐQT – Ông Bùi Vũ Văn Hòa

Ông Bùi Vũ Văn Hòa sinh ngày 01/11/1959, dân tộc Kinh; Ông được bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại cuộc họp HĐQT ngày 30/07/2009.

Hiện nay Ông là Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm thành viên HĐQT.



BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Văn Trường	Trưởng Ban
Bà Phạm Thị Thanh Thủy	TV BKS
Ông Nguyễn Xuân Thắng	TV BKS

Trưởng ban kiểm soát – Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Nguyễn Văn Trường sinh ngày 22/05/1970, dân tộc Kinh; Ông được bầu lại vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Hiện nay Ông là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông (SACOM)

Thành viên ban kiểm soát – Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Bà Phạm Thị Thanh Thủy sinh ngày 05/07/1968, dân tộc Kinh Bà được bầu lại vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Hiện nay Bà là Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông (SACOM).

Thành viên ban kiểm soát – Ông Nguyễn Xuân Thắng

Ông Nguyễn Xuân Thắng sinh ngày 22/12/1958, dân tộc Kinh; Ông được bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009

Hiện nay Ông là Giám đốc Trung tâm kinh doanh của Công ty kiêm thành viên BKS.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS; THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC VÀ CHI PHÍ CHO HĐQT, BKS

- Năm 2009 HĐQT, BKS họp 04 lần. Các nội dung đã thực hiện trong các kỳ họp là:
 - Đánh giá kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư XDCB năm 2008, kế hoạch SXKD và đầu tư XDCB năm 2009, thông qua kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên năm 2009.
 - Bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS; phân công phân nhiệm cho các thành viên nhiệm kỳ 2009-2014.
 - Quyết định bổ nhiệm lại các chức danh: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và bổ nhiệm mới Kế toán trưởng nhiệm kỳ 2 (2009-2012).
 - Bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014.



- Ban hành các hệ thống các văn bản quản lý và quản trị Công ty: Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS, quy chế quản trị công ty,...
 - Bàn bạc, thống nhất biện pháp thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao. Theo dõi và đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch.
 - Tổ chức Đại hội cổ đông bất thường bằng văn bản để thông qua chủ trương niêm yết và giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán Hà nội.
- Thù lao HĐQT, BKS: 46 đồng/1.000 đồng lợi nhuận trước lương.
 - Chi phí đi lại, ăn ở của các thành viên HĐQT, BKS do Công ty thanh toán.
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong năm:
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT/vốn góp tại thời điểm 31/12/2009 là: 31,8%.
 - Thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT: trong năm tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT giảm 2,2% là do:
 - + Ngày 24/04/2009 ông Đỗ Đức Dục thôi không tham gia HĐQT làm giảm tỷ lệ 1%.
 - + Ngày 30/07/2009 HĐQT Công ty đã họp và bầu bổ sung ông Bùi Vũ Văn Hòa, Phó Tổng giám đốc sở hữu 1% cổ phần/vốn góp vào HĐQT và giữ chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 làm tăng tỷ lệ 1%.
 - + Ngày 22/10/2009 bà Hồ Thị Thu Hương, Chủ tịch HĐQT chuyển nhượng 15.000 cổ phiếu và ông Nguyễn Văn Trường, Trưởng BKS chuyển nhượng 25.000 cổ phiếu làm giảm tỷ lệ 1,6%.
 - + Ngày 11/11/2009 ông Nguyễn Thiện Cảnh, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc chuyển nhượng 15.000 cổ phiếu làm giảm tỷ lệ 0,6%.
 - 3/5 thành viên HĐQT độc lập không tham gia điều hành.
 - 2/3 thành viên BKS độc lập không tham gia điều hành.

VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Cổ đông góp vốn trong nước nắm giữ 100% vốn góp của Công ty

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:
 - + Tổng số cổ phần: 2.500.000 CP mệnh giá 10.000 đồng/CP
 - Cổ phiếu phổ thông: 2.500.000 CP
 - Cổ phiếu ưu đãi: 2.500.000 CP
 - + Vốn đầu tư của nhà nước: 0 CP
 - Vốn đầu tư của cổ đông: 2.500.000 CP



+ Cổ đông là pháp nhân: 3 cổ đông sở hữu 903.000 CP chiếm 36,12%

Cổ đông là thể nhân: 445 cổ đông sở hữu 1.597.000 CP chiếm 63,88%

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Ngành nghề kinh doanh	Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần		Biến động về tỷ lệ sở hữu CP
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (SACOM)	SXKD các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng. XNK NVL, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng. SXKD sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại. Cho thuê văn phòng. Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản...	750.000	30,00%	0%
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)	Sản xuất, lắp ráp thiết bị viễn thông, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. Thiết kế, lắp đặt, bảo trì hệ thống thiết bị thuê bao và mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dùng. Xây dựng công trình bưu chính viễn thông...	125.000	5,00%	0%



PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Kính thưa : Quý vị

Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường (SAMETEL) được xây dựng tại địa chỉ: Lô A.I-3 Đường số 1, KCN Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 12.706,9m².

Văn phòng đại diện: 95 Huỳnh Đình Hai – Phường 14 – Quận Bình Thạnh – Tp.Hồ Chí Minh

Máy móc thiết bị:

- Thiết bị cơ khí: máy chấn, máy dập, máy cắt, máy tiện các loại.
- Thiết bị ép: máy ép composite các loại.
- Thiết bị quang: Thiết bị làm ống lồng chứa sợi quang, máy bọc dây thuê bao quang, cáp quang.
- Trạm biến áp phục vụ quản lý và sản xuất: 1500KVA.
- Hệ thống thiết bị phụ trợ: máy nén khí, máy đo quang OTDR.
- Và các phương tiện vận chuyển đủ đáp ứng nhu cầu của Công ty.

Sản phẩm chính:

- Các sản phẩm phục vụ ngành viễn thông:
 - + Tủ, hộp cáp ABS, Composite các loại.
 - + Cáp và phụ kiện quang: Cáp quang, dây thuê bao quang, hộp ODF, dây nhảy, dây nối, măng sông quang.
 - + Các sản phẩm khác: Modern ADSL, hộp đấu dây, măng sông cáp đồng.
- Tủ cáp điện lực composite, sắt sơn tĩnh điện phục vụ ngành điện lực, viễn thông: tủ phân phối hạ thế, tủ điện AC,... đủ các loại, kích cỡ theo nhu cầu của khách hàng.
- Và các sản phẩm dân dụng khác từ nguyên liệu composite.

MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH



➤ Tủ phối quang ngoài trời bằng vật liệu Composite hoặc sắt sơn tĩnh điện. Dung lượng tối đa 480FO.

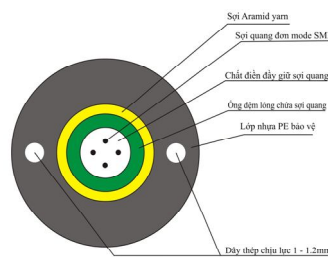
➤ ODF tập trung dung lượng tối đa 960FO.

➤ Tủ điện lực: Tủ phân phối hạ thế, tủ điện AC,... bằng vật liệu Composite hoặc sơn tĩnh điện.

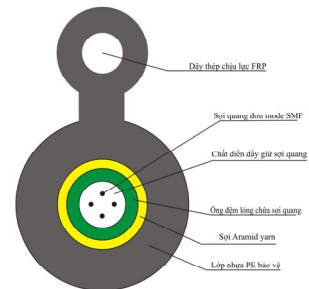
CÁP THUÊ BAO QUANG



Cáp thuê bao quang ngầm, treo dung lượng 2-4FO có aramid yarn



Cáp truy nhập ngầm (DAC) dung lượng 4FO có aramid yarn



Cáp truy nhập FTTH dung lượng 2-4FO có aramid yarn

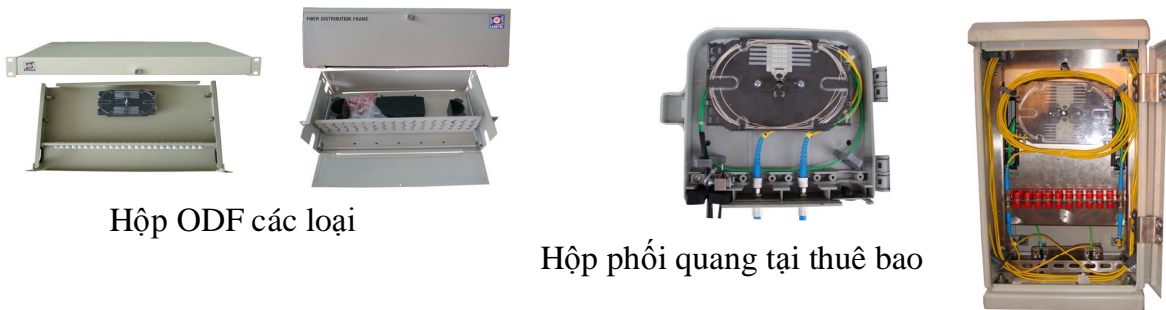
DÂY NỐI QUANG – DÂY NHẢY QUANG



CÁC LOẠI ADAPTOR



TỦ - HỘ PHỐI QUANG



Hộp ODF các loại

Hộp phối quang tại thuê bao

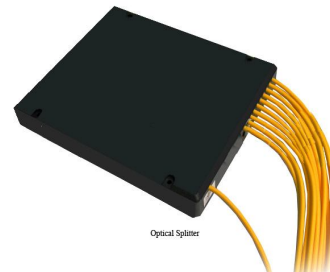
Tủ phối quang ngoài trời



Măng sông quang



Converter quang điện



Optical Splitter

PHỤ KIỆN CÁP ĐỒNG



Hộp cáp ABS dung lượng từ 10P-100P



Tủ cáp CPS dung lượng từ 100P-2400P



Với vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng tương đương với 2.500.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần; vốn của Công ty đã đầu tư chủ yếu cho tài sản dài hạn vì vậy rất khó khăn trong hoạt động do thiếu vốn lưu động. Tuy nhiên, Ban điều hành và người lao động trong Công ty đã đoàn kết thống nhất thực hiện khá tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh HĐQT giao.

- Doanh thu thuần năm tài chính 2009: 45.542.125.043 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 4.201.793.641 đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 10% giá trị vốn góp
- Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2009: 40.463.782.480 đồng

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Thiện Cảnh

Ông Nguyễn Thiện Cảnh sinh ngày 25/01/1964, dân tộc Kinh, trình độ Cử nhân kinh tế, hiện nay ông là Tổng giám đốc Công ty.

Phó Tổng giám đốc – Ông Bùi Vũ Văn Hòa

Ông Bùi Vũ Văn Hòa sinh ngày 01/11/1959, dân tộc Kinh, trình độ Kỹ sư điện tử viễn thông, hiện nay ông là Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật.

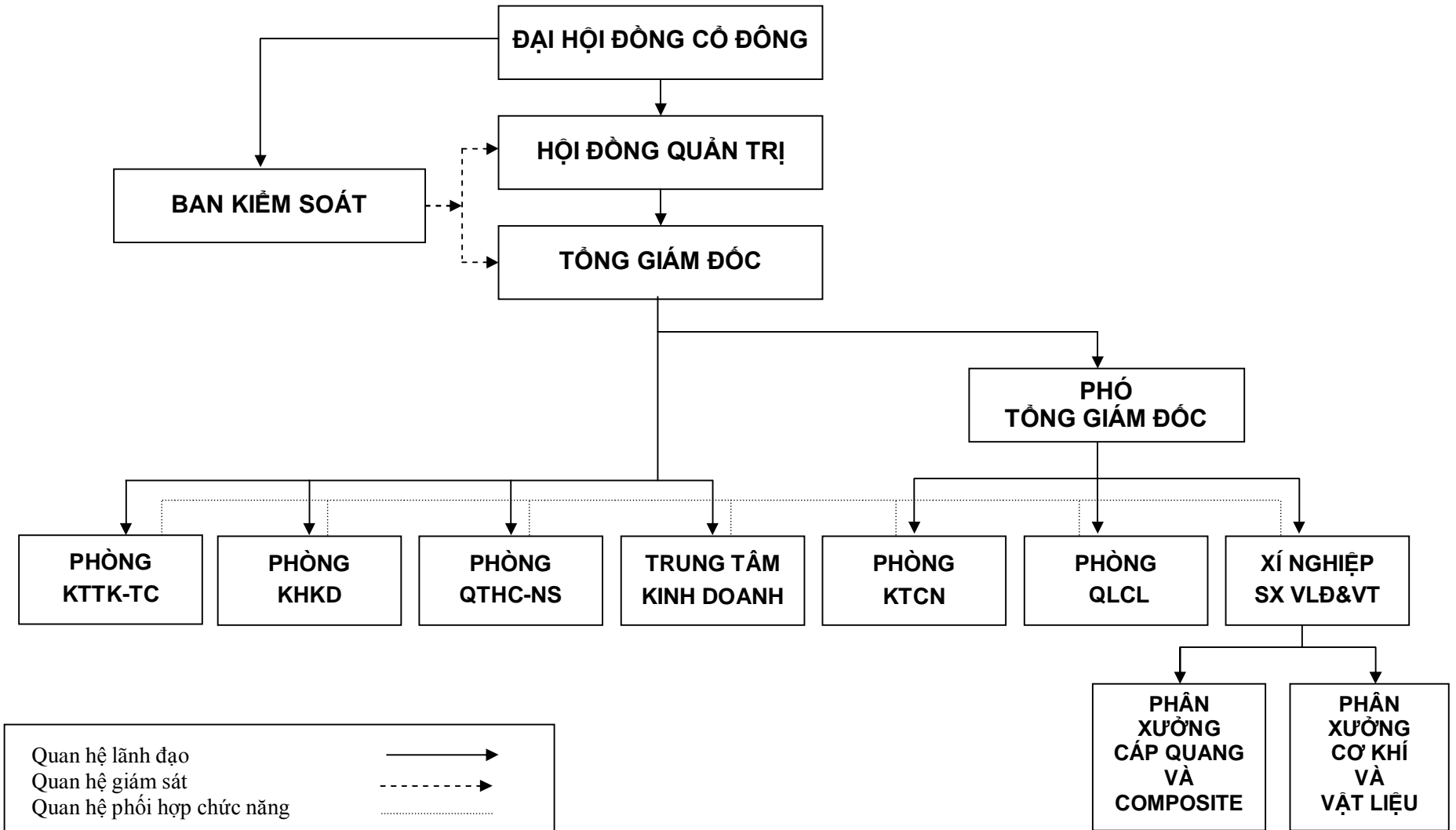
Kế toán trưởng - Ông Trần Văn Dương

Ông Trần Văn Dương sinh ngày 01/04/1974, dân tộc Kinh, trình độ Cử nhân kinh tế. Ông được bổ nhiệm kế toán trưởng ngày 26/08/2009.

Quyền lợi của Ban giám đốc: tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác: Ban giám đốc và kế toán trưởng được thanh toán mức lương thưởng xứng đáng trên cơ sở kết quả điều hành và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Mô hình tổ chức quản lý và sản xuất:

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ SẢN XUẤT





Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tại ngày 31/12/2009, Công ty có 80 người. Người lao động được Công ty chăm lo về đời sống vật chất và tinh thần; được tham gia các tổ chức như: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên,...
- Ngoài tiền lương, thưởng theo quy định của Công ty; người lao động được Công ty đóng BHXH, BHYT theo quy định của Nhà nước; hàng năm được tổ chức khám sức khỏe; tham quan nghỉ dưỡng,...

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TÀI CHÍNH 2009

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu trữ phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		58,46	47,46
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		41,54	52,43
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		18,67	22,15
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		81,33	77,85
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,31	1,46
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,24	2,37
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		7,13	10,38
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		7,15	9,00
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		8,77	13,34

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.



Ý kiến của kiểm toán viên (*Trích Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)*)

Số : 59/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính năm 2009
của Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường được lập ngày 03/02/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Vật Liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		21.217.016.498	14.320.038.681
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.938.538.298	430.479.113
1. Tiền	111	V.01	4.938.538.298	430.479.113
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.028.560.673	7.454.173.421
1. Phải thu khách hàng	131		7.758.518.255	6.068.646.799
2. Trả trước cho người bán	132		4.000.000	94.421.818
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	266.042.418	1.291.104.804
IV. Hàng tồn kho	140	V03	8.165.796.820	5.935.367.328
1. Hàng tồn kho	141		8.612.641.526	5.935.367.328
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(446.844.706)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		84.120.707	500.018.819
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.542.714	145.061.229
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.04	-	299.621.090
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		27.577.993	55.336.500
B. Tài sản dài hạn	200		19.246.765.982	20.149.512.680
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.234.416.693	18.059.248.284
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	12.073.018.645	12.833.400.252
- Nguyên giá	222		17.119.384.038	15.479.052.683
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.046.365.393)	(2.645.652.431)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	5.117.048.448	5.225.848.032
- Nguyên giá	228		5.461.580.464	5.461.580.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(344.532.016)	(235.732.432)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	44.349.600	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.820.680.000	1.820.680.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	1.820.680.000	1.820.680.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		191.669.289	269.584.396
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	181.669.289	259.584.396
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.463.782.480	34.469.551.361



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. Nợ phải trả	300		8.962.501.494	6.435.006.572
I. Nợ ngắn hạn	310		8.962.501.494	6.402.056.572
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V10	1.225.038.450	-
2. Phải trả cho người bán	312		5.178.801.591	3.391.571.657
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.11	337.331.803	169.387.225
5. Phải trả công nhân viên	315		1.177.873.260	608.652.130
6. Chi phí phải trả	316	V.12	94.301.213	57.981.250
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	949.155.177	2.174.464.310
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	32.950.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	32.950.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		31.501.280.986	28.034.544.789
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	29.623.793.660	27.004.921.973
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.499.127.453	1.590.255.766
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		624.666.207	414.666.207
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.500.000.000	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		1.877.487.326	1.029.622.816
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		1.877.487.326	1.029.622.816
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		40.463.782.480	34.469.551.361



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	45.810.962.222	34.140.232.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	268.837.179	75.324.800
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	45.542.125.043	34.064.907.265
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	34.546.945.926	28.055.208.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.995.179.117	6.009.698.693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	35.216.331	48.837.416
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	79.149.969	203.971
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		62.248.559	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.674.138.766	869.417.670
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.075.298.540	2.738.154.517
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.201.808.173	2.450.759.951
11. Thu nhập khác	31		124.520.121	215.819.120
12. Chi phí khác	32		124.534.653	208.265.432
13. Lợi nhuận khác	40		(14.532)	7.553.688
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.201.793.641	2.458.313.639
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.201.793.641	2.458.313.639
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	1.681	983



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	35.398.200.866	19.624.857.053
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(21.715.794.063)	(15.886.392.134)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.072.117.830)	(2.810.716.135)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(62.248.559)	-
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	756.184.434	751.007.046
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.420.849.980)	(4.043.932.363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.883.374.868	(2.365.176.533)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.089.816.053)	(2.479.240.923)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.216.331	38.110.892
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.054.599.722)	(2.441.130.031)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.667.419.357	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.442.380.907)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.545.754.411)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(320.715.961)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.508.059.185	(4.806.306.564)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	430.479.113	5.236.785.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	4.938.538.298	430.479.113

Báo cáo tài chính năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán và đã được HĐQT Công ty thông qua.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2009 và đánh giá nhu cầu, thị trường, thị phần; năm 2010 Công ty phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>So với năm 2009</u>
- Vốn điều lệ:	31 tỷ đồng	124,00%
- Doanh thu thuần:	60 tỷ đồng	131,86%
- Lợi nhuận trước thuế:	5,50 tỷ đồng	130,95%
- Lợi nhuận sau thuế:	5,08 tỷ đồng	120,95%
- Tỷ lệ chi trả cổ tức:	12% đến 14%	120-140% %

Một số giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2010

1. Công tác tổ chức quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý, sản xuất và kinh doanh theo hướng phù hợp với thực tiễn của Công ty nhằm bố trí, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực.
- Xây dựng các chính sách đãi ngộ nhằm thu hút lao động có trình độ.
- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực: nâng cao trình độ bằng cách cử lao động đi học các lớp nghiệp vụ, kỹ thuật, quản lý nâng cao ngắn hạn. Làm tốt công tác “tự đào tạo” và đào tạo tại chỗ. Duy trì và thực hiện tốt 5S và Kaizen.
- Thực hiện tư vấn về hệ thống quản lý, kinh doanh.
- Triển khai mạnh mẽ việc thực hiện quản lý theo **mục tiêu** ở các cấp quản lý và nhân viên.
- Thực hành tiết kiệm, giảm tối đa tỷ lệ hư hỏng và sai lỗi, phấn đấu giảm giá thành bằng các biện pháp quản lý và động viên khen thưởng.

2. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

- **Đặc biệt coi trọng đổi mới và cải tiến sản phẩm**, tạo ra sự khác biệt và đáp ứng kịp thời với sự thay đổi của nhu cầu thị trường. Để làm tốt việc này cần chú trọng xây dựng đội ngũ lao động cần cù sáng tạo và văn hóa truyền thống trong công ty luôn hướng tới sự đổi mới trong mọi lĩnh vực. Hình thành bộ phận nghiên cứu phát triển chuyên nghiệp.
- Giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm đối với sản phẩm truyền thống.



3. Phát triển thị trường, mở rộng kênh phân phối

- Tìm kiếm thị trường mới. Mở rộng kênh phân phối thông qua các đại lý, các đơn vị làm thương mại và các trung tâm kinh doanh. Duy trì và phát triển thị phần đối với những thị trường đang có.
- Đánh giá và hợp tác với các đối tác cung ứng vật tư hàng hóa đầu vào để kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm của Công ty sản xuất.
- Đa dạng hóa các sản phẩm nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng trong một đơn hàng.
- Chú trọng kinh doanh thương mại các mặt hàng phục vụ ngành viễn thông.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THIỆN CẢNH